



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Bestox 50 EC

SDS # : FO003487-A
Ngày sửa đổi: 2018-06-28
Format: AP
Phiên bản 5

Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

| | |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Sản Phẩm | Bestox 50 EC |
| (Các) Mã Sản Phẩm | FO003487-A |
| Từ đồng nghĩa | FMC 65318: A racemate comprising (S)- α -cyano-3-phenoxybenzyl (1R,3R)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate and (R)- α -cyano-3-phenoxybenzyl (1S,3S)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate: [1 α (S*),3 α](\pm)-cyano(3-phenoxyphenyl)methyl 3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate |
| Active Ingredient(s) | Alpha-cypermethrin |
| Họ Hóa Chất | Pyrethroid Pesticide |
| Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị | Thuốc trừ sâu. |
| Hạn chế sử dụng | Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn. |
| Nhà sản xuất | Đơn Vị Nhập Khẩu FMC Corporation Agricultural Solutions 2929 Walnut Street Philadelphia, PA 19104 General Information: Phone: (215) 299-6000 E-Mail: msdsinfo@fmc.com FMC VIETNAM COMPANY LIMITED No. 12 lot B, Thong Nhat Road Song Than 2 Industrial Zone Di An Ward, Di An Town Binh Duong Province Vietnam Phone: (+84) 0274 3790503 Fax: (+84) 0274 3790501 |

Số điện thoại khẩn cấp

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)

Medical Emergencies:
1 800 / 331-3148 (ProPharma Group - U.S.A. & Canada)
1 651 / 632-6793 (ProPharma Group - All Other Countries - Collect)

Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

GHS - Phân loại

| | |
|-------------------------------------------------------------|--------|
| Độc tính hô hấp qua miệng | Cấp 1 |
| Độc tính cấp tính - Qua miệng | Cấp 4 |
| Độc tính cấp tính - Qua Hô Hấp (Bụi/Sương) | Cấp 2 |
| Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng | Cấp 2A |
| STOT - tiếp xúc một lần | Cấp 3 |
| Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại) | Cấp 2 |
| Độc tính cấp tính đối với môi trường nước | Cấp 1 |

| | |
|--------------------------------------|-------|
| Độc tính lâu dài cho môi trường nước | Cấp 1 |
|--------------------------------------|-------|

| | |
|-------------------|-------|
| Chất lỏng dễ cháy | Cấp 3 |
|-------------------|-------|

Các Thành Phần Của Nhãn



Từ Cảnh Báo

Nguy hiểm

Cảnh Báo Nguy Cơ

H302 - Có hại nếu nuốt phải
 H304 - có thể chết nếu nuốt phải hoặc hít phải
 H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
 H330 - Chết nếu hít phải
 H373 - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp lại
 H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài
 H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp
 H336 - Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
 H226 - Hơi và chất lỏng dễ cháy

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Phòng Ngừa

P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn
 P281 - Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu
 P264 - Rửa mặt, tay và mọi phần da bị tiếp xúc cẩn thận sau khi thao tác
 P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
 P260 - Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
 P271 - Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt
 P273 - Tránh phóng thích ra môi trường
 P210 - Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc
 P233 - Giữ dụng cụ đựng thật kín
 P240 - Tiếp đất/nối điện cho dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận
 P241 - Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/... / có khả năng chống nổ
 P242 - Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa
 P243 - Sử dụng các biện pháp đề phòng phóng tĩnh điện
 P235 - Giữ mát

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

P308 + P313 - Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế
 P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở
 P303 + P361 + P353 - KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm. Rửa da bằng nước/tắm
 P305 + P351 + P338 - NẾU TIẾP XÚC VỚI MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và để thực hiện. Tiếp tục rửa
 P337 + P313 - Nếu kích ứng mắt tồn tại dai dẳng: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế
 P301 + P310 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
 P331 - KHÔNG gây nôn
 P330 - Súc miệng
 P370 + P378 - Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng Carbon dioxide (CO2), Hóa chất khô, Bọt chống cồn, Phun nước để dập tắt
 P391 - Thu gom lượng tràn đổ

Tiêu Ngủ Đề Phòng - Bảo Quản
P405 - Bảo quản khóa chặt
P403 + P233 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ kín dụng cụ đựng
Tiêu Ngủ Đề Phòng - Thái Bỏ
P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

Thông tin khác
Có thể chết người khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài

Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Từ đồng nghĩa FMC 65318: A racemate comprising (S)- α -cyano-3-phenoxybenzyl (1R,3R)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate and (R)- α -cyano-3-phenoxybenzyl (1S,3S)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate: [1 α (S*),3 α](\pm)-cyano(3-phenoxyphenyl)methyl 3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate

| Tên hóa chất | Số CAS | Phần trăm trọng lượng |
|-----------------------------------|------------|-----------------------|
| Alpha-cypermethrin | 67375-30-8 | 5.6 |
| Petroleum naphtha, light aromatic | 64742-95-6 | 80-90 |

Mục 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc nếu khó chịu xảy ra và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.

Tiếp Xúc Với Da Cởi bỏ quần áo đã bị nhiễm. Rửa ngay da với nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để xin hướng dẫn điều trị.

Tiếp Xúc Với Mắt Giữ đôi mắt mở và rửa sạch từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15 đến 20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt. Gọi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để xin hướng dẫn điều trị.

Ăn phải Gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ ngay để được tư vấn điều trị. Có người uống một ly nước nếu có thể nuốt. Không được gây nôn trừ khi được một trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Không cho bất cứ điều gì bằng miệng cho một người bất tỉnh.

Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện Tác dụng hệ thần kinh trung ương.

Bảo vệ người sơ cứu Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.

Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần Sản phẩm này có chứa pyrethroid. Nếu số lượng lớn đã được ăn, dạ dày và ruột nên được sơ tán. Điều trị có triệu chứng và hỗ trợ. Chất béo, dầu hoặc rượu có thể tiêu hóa có thể làm tăng sự hấp thu và vì vậy nên tránh.

Mục 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Tính chất cháy Hơi dễ cháy. Sản phẩm có thể tạo thành hỗn hợp dễ cháy với không khí khi được làm nóng trên điểm chớp cháy.

Chất Chữa Cháy Phù Hợp Bọt, Hóa chất khô hoặc CO2. Dòng nước ngọt hoặc sương mù chỉ khi cần thiết. Chứa tất cả các dòng chảy.

Chất chữa cháy không phù hợp Không có thông tin

Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất Giữ sản phẩm và thùng đựng rỗng hết cách xa nhiệt và các nguồn gây cháy.

Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy

Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thờ khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ. Cô lập khu vực cháy. Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Không hít phải khói, hơi hoặc khí tạo ra.

Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

| | |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân | Cô lập và sau khi tràn khu vực. Sử dụng găng tay/trang phục và kính mắt/kính che mặt bảo hộ. Để bảo vệ cá nhân, xem phần 8. |
| Khác | Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khẩn cấp FMC được liệt kê trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên. |
| Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường | Giữ nguyên vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao, và cống rãnh thoát nước. Giữ người và động vật cách xa và hướng gió ngược lên / rò rỉ. |
| Các Phương Pháp Ngăn Chặn | Đề đề hạn chế tràn và hấp thụ với chất hấp thụ không dễ cháy như đất sét, cát hoặc đất. Hút chân không, xẻng hoặc bơm chất thải vào một trống và nhả nội dung để xử lý. |
| Các phương pháp làm sạch | Để làm sạch hoặc trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị, hãy rửa bằng dung dịch phù hợp của tro ăn da hoặc soda và một loại rượu thích hợp như ethanol, metanol hoặc isopropanol. Làm theo cách này bằng cách rửa bằng dung dịch nước và xà phòng mạnh. Hấp thụ, như trên, bất kỳ chất lỏng dư thừa nào và thêm vào thùng rác đã được thu gom. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13. |

Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

| | |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thao tác | Không làm ô nhiễm các loại thuốc trừ sâu, phân bón, nước, thực phẩm hoặc thức ăn khác bằng cách cất giữ hoặc thải bỏ. |
| Cất giữ | Giữ dụng cụ đựng ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Để xa tầm với của trẻ em và động vật. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu. |
| Vật liệu cần tránh | Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh. |

Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc

| | |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các biện pháp kỹ thuật | Bảo đảm thông khí đầy đủ, nhất là ở những khu vực có không gian hạn chế. Trong trường hợp có thể, điều này sẽ đạt được nếu sử dụng ống thông khí cục bộ và hút khí tốt. Thông gió cho tất cả các phương tiện vận tải trước khi dỡ hàng. |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Trang bị bảo hộ cá nhân

| | |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bảo Vệ Đường Hô Hấp | Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo vệ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt. |
| Bảo Vệ Tay | Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp. |
| Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt | Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phơi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất. |
| Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể | Mặc áo sơ mi dài tay, quần dài, vớ và giày. |
| Các biện pháp vệ sinh | Cần có nước sạch để rửa trong trường hợp bị ô nhiễm mắt hoặc da. Rửa da trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc sử dụng thuốc lá. Tắm vào cuối ngày làm việc. Cởi ra và giặt sạch quần áo, găng tay bị nhiễm, kể cả ở bên trong, rồi mới được sử dụng lại. Launder quần áo làm việc riêng biệt với đồ dùng gia đình thông thường. |

Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

| | |
|-------------------------------|---------------------------|
| Trạng Thái Vật Lý | Chất lỏng |
| Ngoại quan | Hỗ phách Chất lỏng |
| Mùi | Hydrocacbon thơm |
| Màu | Hỗ phách |
| Ngưỡng phát hiện mùi | Không có thông tin |
| pH | 4.06 (5% water) |
| Điểm chảy/điểm đông | Không có thông tin |
| Điểm sôi / Phạm vi | Không có thông tin |
| Điểm chớp cháy | 57 °C |
| Tốc Độ Bay Hơi | Không có thông tin |
| Khả năng cháy (rắn, khí) | Không có thông tin |
| Giới Hạn Cháy trong Không Khí | |
| Giới hạn nồng độ cháy trên: | Không có thông tin |
| Giới hạn cháy dưới: | Không có thông tin |
| Áp suất hơi | Không có thông tin |
| Tỷ trọng hơi | Không có thông tin |
| Khối lượng riêng | 0.9224 |
| Độ tan trong nước | Nhũ hóa |
| (Các) độ hòa tan | Không có thông tin |
| Hệ số phân tách | Không có thông tin |
| Nhiệt độ tự bốc cháy | Không có thông tin |
| Nhiệt độ phân hủy | Không có thông tin |
| Tính nhớt, động lực học | Không có thông tin |
| Tính nhớt, tính động | Không có thông tin |
| Trọng lượng phân tử | 416.31 alpha-cypermethrin |
| Tỷ trọng | Không có thông tin |
| Khối Lượng Riêng Thể Xốp | 7.7 |

Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

| | |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng hoạt động của hóa chất | Không áp dụng |
| Độ bền | Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn |
| Phản ứng nguy hại | Không có trong điều kiện xử lý bình thường. |
| Polyme hóa gây nguy hiểm | Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra. |
| Các điều kiện cần Tránh | Nhiệt quá mức. |
| Sản phẩm không tương thích | Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh. |
| Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại | Cacbon monoxyt (CO), Carbon dioxide (CO ₂), Hydrogen chloride, Hydro xyanua. |

Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

| | |
|----------------------------------|-------------------------------------------|
| LD50 đường miệng | : Công thức tương tự. 942 mg/kg (chuột) |
| LD50 đường da | : Công thức tương tự. > 2,000 mg/kg (thỏ) |
| LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp | : Công thức tương tự. 0.2 mg/l (chuột) |

| | |
|--------------------------------------|----------------------------|
| Ăn mòn/kích ứng da | Kích thích vừa phải (thỏ). |
| Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng | Kích thích vừa phải (thỏ). |
| Nhạy | Không nhạy cảm. |

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

| | |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng gây đột biến | Alpha-cypermethrin: Không độc tính trong các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. |
| Khả năng gây ung thư | Cypermethrin gây ra sự gia tăng các khối u phổi lành tính ở chuột, nhưng không gây ra ở chuột. EPA đã phân loại cypermethrin như là một chất gây ung thư của con người có thể dựa trên thông tin này, nhưng không điều chỉnh dựa trên nguy cơ ung thư thấp. |
| Độc tính sinh sản | Alpha-cypermethrin: Không có độc tính với sinh sản. |
| Độc tính tăng trưởng | Alpha-cypermethrin: Không gây quái thai trong các nghiên cứu trên động vật. |
| STOT - tiếp xúc một lần STOT - tiếp xúc nhiều lần | Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới. Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc nhiều lần. Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới. |
| Độc tính trường diễn | Alpha-cypermethrin: Tiếp xúc lâu dài gây độc thần kinh (run cơ thể, dáng đi bất thường, tiết nước bọt quá mức), giảm trọng lượng cơ thể và tăng trọng lượng gan. |
| Tác dụng trên cơ quan mục tiêu | Hệ Thần Kinh Trung Ương, |
| Tác dụng trên thần kinh | Alpha-cypermethrin: Tiếp xúc lâu dài gây độc thần kinh (run cơ thể, dáng đi bất thường, tiết nước bọt quá mức), giảm trọng lượng cơ thể và tăng trọng lượng gan. |
| Nguy cơ sặc phải | Không có thông tin. |

Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

| Alpha-cypermethrin (67375-30-8) | | | | |
|----------------------------------------|-----------|----------|---------|--------|
| Active Ingredient(s) | Duration | Loài | Giá trị | Đơn vị |
| Alpha-cypermethrin | 48 h EC50 | Giáp xác | 0.0003 | mg/l |
| | 96 h LC50 | Cá | 0.0028 | mg/l |
| | 72 h EC50 | Tảo | 0.1 | mg/l |
| | 21 d NOEC | Giáp xác | 0.03 | µg/l |
| | 21 d NOEC | Cá | 0.03 | µg/l |

| | |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ bền vững và độ phân hủy | Alpha-cypermethrin: Duy trì vừa phải. Không ngay lập tức thủy phân. Không dễ dàng bị phân hủy sinh học. |
| Tích lũy sinh học | Alpha-cypermethrin: Chất này có tiềm năng sinh học. |
| Khả năng di chuyển | Alpha-cypermethrin: bất động; Không được dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm. |
| Các Tác Dụng Có Hại Khác | Không có thông tin. |

Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy chất thải Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn.

Bao Bì Đã Bị Nhiễm

Các thùng chứa phải được xử lý theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang.
Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn xử lý.

Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

IMDG/IMO

| | |
|---------------------------|---------------------------------------------------|
| Số UN/Mã Định Danh (ID) | UN1993 |
| Tên Vận Chuyển Đường Biển | Chất lỏng dễ cháy, nếu không có chỉ định nào khác |
| Nhóm hiểm họa | 3 |
| Nhóm Đóng Gói | III |
| EmS No. | F-E, S-E |
| Chất Ô Nhiễm Biển | Alpha-cypermethrin |

ICAO/IATA

| | |
|---------------------------|---------------------------------------------------|
| Số UN/Mã Định Danh (ID) | UN1993 |
| Tên Vận Chuyển Đường Biển | Chất lỏng dễ cháy, nếu không có chỉ định nào khác |
| Nhóm hiểm họa | 3 |
| Nhóm Đóng Gói | III |
| Chất Ô Nhiễm Biển | Alpha-cypermethrin |

Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

Các Danh Mục Quốc Tế

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

| Tên hóa chất | Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ) | Danh Mục Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada) | EINECS/ELINCS (Europe) | Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật) | Trung Quốc (IECSC) | KECL (Korea) | Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin - PICCS (Philippin) | Danh Mục Hóa Chất - AICS (Úc) |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Alpha-cypermethrin 67375-30-8 | | | | | X | X | X | |
| Petroleum naphtha, light aromatic 64742-95-6 | X | X | X | | X | X | X | X |

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)
DSL/NDL - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada
EINECS/ELINCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu
ENCS - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản
IECSC - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc
KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc
PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin
AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc

Mục 16: THÔNG TIN KHÁC

| | |
|----------------------|----------------------------------------------|
| Soạn Thảo Bởi | FMC Corporation |
| | FMC Logo - Trademark of FMC Corporation |
| | © 2018 FMC Corporation. All Rights Reserved. |
| Ngày sửa đổi: | 2018-06-28 |
| Chú thích về sửa đổi | (M)SDS sections updated. |

Tuyên bố miễn trách

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NỘI BẬT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, CUNG CẤP Ở đây. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn